

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ (đã nghỉ hưu); Thỉnh giảng ☒

Ngành: Xây dựng – Kiến trúc ; Chuyên ngành: Kỹ thuật môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI TÁ LONG

2. Ngày tháng năm sinh: 12/04/1962 ; Nam ☒ Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam ;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 212/106 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): 212/106 Nguyễn Thiện Thuật, phường 3, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: (028) 38358490; Điện thoại di động: 0918017376; E-mail: longbt62@hcmut.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm: 7/1989 đến tháng, năm: 12/2005, Nghiên cứu viên chính, Viện Cơ học Ứng dụng (nay là Viện cơ học và tin học ứng dụng), Viện hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.

Từ tháng, năm: 1/2006 đến tháng, năm: 7/2013, Giảng viên chính, Viện Môi trường và Tài nguyên, Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Từ tháng, năm: 8/2013 đến nay, tháng 5/2023: Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Chức vụ hiện nay: Không; Chức vụ cao nhất đã qua: viện trưởng Viện cơ học ứng dụng (9/2018 – 3/2002)

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Tp.HCM.

Địa chỉ cơ quan: 268 Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, Tp. HCM

Điện thoại cơ quan: 028.38647256

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

- Đại học Khoa học Huế (2003 – 2018)
- Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (2011 – 2015)
- Đại học Công nghệ Tp. HCM (Hutech) (2001 – 2020)
- Đại học Duy Tân (DTU) (2017 – 2020)
- Đại học Sư phạm Đà Nẵng (2021 – nay)
- Viện Môi trường và Tài nguyên (2006 – 2013)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng 6 năm 2023.

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): đang trong quá trình tìm kiếm công việc phù hợp.

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng lao động giảng dạy 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Đại học Bách Khoa, ĐHQG Tp. HCM

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 30 tháng 6 năm 1985; số văn bằng: G-1, N^o: 478149; ngành: toán cơ, chuyên ngành: toán; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Tổng hợp Matxcova, Liên Xô.

- Được cấp bằng ThS ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):

- Được cấp bằng TS (PTS) ngày 15 tháng 3 năm 1989; số văn bằng: KD N^o:007835; ngành: vật lý toán; chuyên ngành: toán; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Tổng hợp Matxcova, Liên Xô.

- Được cấp bằng TSKH (TS) ngày 10 tháng 7 năm 1998; số văn bằng: ĐK N^o: 012850; ngành: vật lý toán; chuyên ngành: Toán ; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): Viện kỹ thuật vô tuyến và điện tử, Viện hàn lâm khoa học Nga, Liên bang Nga.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 18 tháng 11 năm 2009, ngành: Khoa học Trái đất

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở: Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Tp. HCM.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kỹ thuật môi trường, Xây dựng – Kiến trúc.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: Xây dựng các mô hình giúp quy hoạch đô thị, quản lý rác thải và thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, tạo điều kiện cho các công trình có khả năng thích nghi với môi trường góp phần vào chiến lược phát triển xanh của các thành phố lớn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 9, trong đó cấp Nhà nước 1, Bộ là 8 với vai trò chủ nhiệm đề tài.
- Đã công bố (số lượng) 105 bài báo khoa học trong giai đoạn 1997 – nay. Trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín, với 9 bài thuộc ISI, ISI/Scopus, 6 bài Scopus.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; được cấp 12 giấy chứng nhận Đăng ký quyền tác giả viết các phần mềm môi trường, đặc biệt là các phần mềm tính toán lan truyền ô nhiễm trong môi trường khí, nước.
- Số lượng sách đã xuất bản: 03, nhà xuất bản: Đại học Quốc gia Tp.HCM;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Chiến sĩ thi đua do Thủ tướng chính phủ trao tặng, 2013; Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG Tp.HCM, 2010.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 31 năm tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	1	4	1	112.5	52.5	165/245.9/216

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	2020-2021	0	1	0	6	105	52.5	157.5/219.4/160
3	2021-2022	0	1	0	4	133.5	52.5	186/250.43/160
4	2022-2023	0	1	1	3	179.5	0	179.5/229.04/160
5	2023-2024	0	1	0	2	82	0	96.51/164.81/150
6	2024-2025	0	1	0	1	66 ^{**}	0	16/66/150 ^(**)

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

- (**) Hiện chỉ mới cập nhật tới 30/5/2025, theo hợp đồng lao động (đính kèm) của năm học vẫn đạt và vượt chuẩn.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Nga, Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☒; Tại nước: Liên Xô; Từ năm 1980 đến năm 1985.

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án PTS ☒ tại nước: Liên Xô năm 1989; ☒ TS ; tại nước: LB Nga năm 1998.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Anh văn

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Văn phòng Đào tạo Quốc tế (Office for International Study Programs – OISP), Đại học Bách khoa, ĐHQG Tp.HCM

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	☒		☒		2013 - 2018	Viện Môi trường và Tài nguyên	09/05/2018
2	Mai Thị Thu Thảo	☒			☒	2009 - 2018	Viện Môi trường và Tài nguyên	17/7/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Hệ thống thông tin môi trường	TK	ĐHQG Tp.HCM 2006, QĐ: 81/QĐ-ĐHQGTp HCM	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	109/BXB 2005 ngày 19/12/2005
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Bài tập Mô hình hóa môi trường	TK	ĐHQG Tp.HCM 2015 ISBN: 978-604-73-3507-7	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	80/QĐ-VMT&TN-GT ngày 18/9/2015
3	Tính toán mô phỏng ô nhiễm không khí cho khu vực có địa hình phức tạp: mô hình toán và phần mềm	CK	ĐHQG Tp.HCM 2015 ISBN: 978-604-73-9690-0	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	1036/QĐ-ĐHBK ngày 28/3/2023
4	Mô hình hóa môi trường	GT	ISBN:978-604-73-9645-0	1	Bùi Tá Long	Toàn bộ	1107/QĐ-DHBK ngày 4/4/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
 Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [3] Tính toán mô phỏng ô nhiễm không khí cho khu vực có địa hình phức tạp: mô hình toán và phần mềm.

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS (2 đề tài)				
1	ĐT: Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý số liệu chất thải rắn đô thị tại Tp.HCM	CN	Cấp Bộ B2006-24-05, Đại học Quốc gia Tp. HCM	7/2006 – 12/2007	Đạt
2	ĐT: Xây dựng trang Web cùng với kỹ thuật phần mềm tính toán ô nhiễm không khí trực tuyến phục vụ công tác giảng dạy sinh viên môi trường	CN	Cấp Bộ B2008-24-02 Đại học Quốc gia Tp. HCM	7/2008 – 5/2009	Đạt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
3	ĐT: Xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp số liệu quan trắc chất lượng nước mặt lưu vực hệ thống sông Đồng Nai dựa trên công nghệ WebGIS	CN	Cấp Bộ B2009-24-05 Đại học Quốc gia Tp. HCM	2/2009 – 2/2010	Đạt
4	ĐT: Xây dựng mô hình quản lý phát thải môi trường không khí khu công nghiệp trên nền	CN	Cấp Bộ B2010-24-07 Đại học Quốc gia Tp. HCM	9/2010 – 9/2011	Đạt

	công nghệ WebGIS (TISAP)				
5	ĐT:Nghiên cứu xác định một số qui luật tự làm sạch của hệ thống kênh sông đô thị trên ví dụ sông Sài Gòn	CN	Cấp Bộ B2011-24-07 Đại học Quốc gia Tp. HCM	12/2011 – 12/2012	Đạt
6	ĐT:Nghiên cứu cơ sở khoa học, công nghệ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu phục vụ ứng phó với biến đổi khí hậu	CN	Cấp Nhà nước, mã số BDKH 38 thuộc Thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, mã số KHCN-BĐKH/11-15	2014 - 2015	Đạt
7	ĐT:Xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn ứng dụng mô hình toán kết hợp với GIS, viễn thám tính toán ô nhiễm không khí phù hợp với điều kiện Việt Nam – áp dụng thử nghiệm tại Tp. HCM và khu vực phụ cận	CN	Bộ TNMT Mã số: TNMT.2016.04.20	2017 - 2019	Đạt
8	ĐT:Xây dựng cơ sở dữ liệu và tính toán phát thải khí từ các bãi chôn lấp ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CN	Cấp Bộ B2019-20b-01 Đại học Quốc gia Tp. HCM	6/2019 – 6/2021	Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố	Trang
I	Trước khi được công nhận PGS/TSKH								
	<i>Tạp chí và hội nghị trong nước</i>								
1	Mô hình mô phỏng quá trình lan truyền và khuếch tán chất bẩn trong bài toán thiết lập hệ thống quan trắc nhiệm vụ môi trường khí	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 442, No. 10, pp. 38 – 47.	10/1997	1-13
2	Phân mềm trợ giúp công tác quản lý, qui hoạch và đánh giá tác động môi trường	1	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 446, No. 2, pp. 24–28.	2/1998	14-22
3	Ứng dụng công nghệ GIS trong mô phỏng môi trường	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 468, No. 12, pp. 34–41.	12/1999	23 -34
4	Phân tích và dự báo ô nhiễm môi trường trong trường hợp tai biến bởi tác nhân hóa học độc hại	1	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 467, No. 11, pp. 28–35.	11/1999	35-44
5	Xây dựng công cụ tin học đánh giá tác động yếu tố con người lên môi trường không khí	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 467, No. 11, pp. 21–26.	11/1999	45 - 54
6	Ứng dụng GIS trong quản lý môi trường không khí bị ô nhiễm do giao thông.	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 476, No. 8, pp. 14–22.	8/2000	55 - 67
7	Xây dựng công cụ tích hợp trợ giúp công tác giám sát ô nhiễm không khí	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 514, No. 10, pp. 29–36.	10/2003	68 - 77

	vùng kinh tế trọng điểm.								
8	Xây dựng phần mềm INSEM hỗ trợ công tác giám sát chất lượng môi trường cho các tỉnh thành Việt Nam.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 517, No. 1, pp. 10–19.	1/2004	78 - 89
9	Ứng dụng tin học môi trường trong phân tích ô nhiễm tại khu công nghiệp Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			vol. 527, no. 11, pp. 12–24, 2004.	2004	90 - 105
10	Xây dựng hệ thống thông tin môi trường trong quản lý môi trường cấp tỉnh, thành phố.	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 533, No. 5, pp. 23–31.	5/2005	106 - 117
11	Xây dựng công cụ tin học hỗ trợ đánh giá chất lượng nước bằng phương pháp chỉ thị sinh học	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 538, No. 10, pp. 35–44.	10/2005	118 - 129
12	Xây dựng công cụ hỗ trợ thông qua quyết định cho công tác quản lý và giám sát ô nhiễm không khí.	3	X	Tạp chí phát triển KH&CN, ISSN:1859 - 0128			Vol. 9, pp. 61–69	2006	130 - 140
13	Ứng dụng GIS trợ giúp công tác quản lý chất thải rắn tại các đô thị, thành phố Việt Nam.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 557, No. 5, pp. 34–43.	5/2007	141 – 153
14	Xây dựng công cụ tích hợp đánh giá ô nhiễm không khí từ các nguồn điểm tại các khu công nghiệp.	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 561, No. 9, pp. 21–27.	9/2007	154 - 162
15	Xây dựng mô hình giám sát chất lượng không khí cho các	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn,			Vol. 573, No. 9, pp. 35–44.	9/2008	163 - 175

	nhà máy công nghiệp - nhà máy xi măng LUKS Thừa Thiên Huế làm ví dụ nghiên cứu.			ISSN: 0866 – 8744					
	Tập chí và hội nghị ngoài nước								
16	К оценке непротиворечивости информации в задачах дистанционного мониторинга окружающей среды	2	X	Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, ISSN: 0235-5019			vol. 2, pp. 71–78, 1998	1998	176-185
17	Применение ГИС-технологии в задаче вычислительного эксперимента физики атмосферного загрязнения	1	X	Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, ISSN: 0235-5019			vol. 1, pp. 2–9, 1998.	1998	186-196
18	Технология имитационного моделирования в системах геоинформационного мониторинга мегаполисов,	2	X	Проблемы окружающей среды и природных ресурсов, ISSN: 0235-5019			vol. 2, pp. 79–85	1998	197-205
19	Вопросы синтеза системы экологического мониторинга (СЭМ) морской среды в зоне газо-конденсатного месторождения (ГКМ),	2	X	Научные и технические аспекты охраны окружающей среды, ISSN 0869-1002			vol. 1, pp. 2–10	1998	206 - 216
20	Информационно-моделирующий комплекс контроля воздушного загрязнения в ключевых	2	X	Материалы шестого международного симпозиума проблемы экоинформатик и			pp. 5–9.	2003	217-223

	экономических регионах								
21	Building up a tool for integrated coastal management in Da Nang city,	3	X	Proceedings of International symposium on geoinformatics for spatial infrastructure development in earth and allied sciences			pp. 1–7.	2004	224-237
22	Building up air pollution prediction model in Ho Chi Minh city using GIS and neural network technology	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2004). Bắt đầu từ 2008 mới có ISBN			pp. 163–168.	2004	238 - 250
23	Integration of GIS, Web technology and model for monitoring surface water quality of basin river: a case study of Huong river.	4	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2004). Bắt đầu từ 2008 mới có ISBN			299–304.	2004	251-263
24	Developing environmental information system using WEBGIS technology of a case study in the Can Tho city, Vietnam	3	X	Proceedings of 28th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-365-0			Vol. 1/3, pp. 351 - 356	11/2007	264-273
25	Application of GIS and dispersion model for air quality evaluting for industrial activites in Thi Vai basin,”	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied			pp. 127 - 132	2008	274-286

				Sciences (GIS - IDEAS 2008). ISBN: 978-4-901668-37-8					
26	Building up a integrated tool by using E-manifest, E-card and GIS technology for management hazardous solid waste in Ho Chi Minh city	4	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-984-3			Vol. 2/3, pp. 669–674.	2009	287-296
27	Applying WEBGIS in management and sharing water quality information of the Dong Nai river system, Vietnam,	2	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61567-984-3			Vol. 2/3, pp. 802–807.	10/2009	297-306
II	Sau khi được công nhận PGS/TS, 2010 - 2025								
	<i>Tạp chí và hội nghị trong nước</i>								
28	Xây dựng cơ sở dữ liệu và phần mềm hỗ trợ công tác ứng phó lũ lụt tại Quảng Nam dựa trên công nghệ WebGIS	6	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2011			Pp. 213 - 222	2011	307-319
29	Phương pháp tính toán thiệt hại về kinh tế và môi trường đối với một lưu vực sông bị ô nhiễm - trường hợp điển hình: lưu vực sông Thị Vải,	3	X	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ. ISSN:1859-0128			vol. 14, no. M1, pp. 5–13.	2011	320 - 336
30	Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý và chia sẻ thông tin chất lượng môi trường nước – lấy lưu vực hệ thống sông Đồng Nai làm ví dụ nghiên cứu	3	X	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ. ISSN:1859-0128			TẬP 14, SỐ M1, pp. 18 - 31	2011	337 - 356

31	Xây dựng hệ thống tích hợp đánh giá ô nhiễm không khí do các phương tiện giao thông đường bộ tại Huế	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ISSN:0866 – 708X			Vol. 49, no. 5C, pp. 333–342,	2011	357-373
32	Ứng dụng chỉ số an ninh sinh kế bền vững đánh giá sự phát triển bền vững tại thành phố Hồ Chí Minh,	3	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ. ISSN:0866 – 708X			Vol. 50, No. 4A, pp. 1–9.	2012	374 - 391
33	Ứng dụng mô hình diễn toán đánh giá tỷ lệ gây ô nhiễm của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tập trung	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 620, No. 8, pp. 6–14.	8/2012	392 - 403
34	Ứng dụng mô hình Mike 11 đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Truồi, Thừa Thiên Huế	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 616, No. 4, pp. 32–38.	4/2012	404 - 413
35	Xây dựng mô hình tích hợp hỗ trợ đánh giá diễn biến chất lượng nước sông Sài Gòn	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 621, No. 9, pp. 13–22.	9/2012	414 - 426
36	Ứng dụng mô hình kinh tế - sinh thái quản lý nuôi trồng thủy sản theo định hướng phát triển bền vững.	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 619, No. 7, pp. 16–23.	7/2012	427 - 436
37	Xây dựng phần mềm đánh giá chất lượng môi trường theo phương pháp chỉ số môi trường	4	X	Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2012,			pp. 281–291.	2012	437 - 453
38	Xác định khả năng tự làm sạch hệ thống kênh, sông lấy sông Sài Gòn	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 626, No. 2, pp. 1–9.	2/2103	454 - 465

	làm ví dụ nghiên cứu,								
39	Ứng dụng Mike11 mô phỏng chất lượng nước sông Ba, Gia Lai theo các kịch bản phát triển kinh tế - xã hội	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 628, No. 4, pp. 52–58,	4/2013	466 - 475
40	Xây dựng phần mềm quảng bá du lịch sinh thái - trường hợp áp dụng tỉnh Tây Ninh.	4	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2013. ISBN:978-604-924-039-3			Pp. 140–149.	2013	476 - 489
41	Đánh giá chất lượng môi trường không khí thành phố Hà Nội theo chỉ số chất lượng không khí	4		Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 638, No. 2, pp. 43–49.	2/2014	490 - 500
42	Ứng dụng mô hình CLIM trong đánh giá khả năng chịu tải của sông Cái, Nha Trang,	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 647, No. 11, pp. 52–56.	11/2014	501 - 508
43	Xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước mặt - trường hợp tỉnh Bình Dương	2	X	Tạp chí Khoa học và Công nghệ. ISSN:0866 – 708X			vol. 52, no. 4C, pp. 37–46,	2014	509 - 523
44	Application of the Bessel function to compute the air pollutant with the stratification of the atmospheric	3	X	Science And Technology Development Journal ISSN: 1859-0128			Vol. 18, No. K4, pp. 14 - 20	2015	524- 531
45	Xây dựng chỉ số an ninh sinh kế bền vững (SLSI) phục vụ đánh giá mức độ phát triển bền vững tại tỉnh Bình Thuận	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 655, No. 7, pp. 47–51.	7/2015	532- 538
46	Ứng dụng lý thuyết trò chơi hợp tác trong tiết kiệm chi	3	X	Science and Technology Development			Vol. 18, no. K8, pp. 34–43,	2015	539 – 555

	phí khắc phục ô nhiễm,			ISSN 1859-0128					
47	Nghiên cứu xây dựng hệ số phát thải các khí ô nhiễm từ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (CH ₄ , H ₂ S, NH ₃ , Methyl Mercaptan)	3		Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ. ISSN:1859-0128			Vol. 18, M2, pp.115-125	2015	556-569
48	Applying SWAT model to assess impacts of climate change on the flow of Vu Gia river basin, Quang Nam province	2	X	Vietnam Journal of Science and Technology ISSN 2525-2518			vol. 53, no. 5A, pp. 159–166.	2015	570 - 581
49	Mô phỏng ô nhiễm giao thông tại khu vực Trường đại học Bách Khoa Tp.HCM bằng công cụ AERMOD và ARCGIS	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2016 ISBN:978-604-912-659-8			Pp. 382–391.	2016	582-602
50	Mô hình hóa ô nhiễm không khí trong điều kiện địa hình phức tạp - Trường hợp nguồn thải điểm	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 700, No. 4, pp. 34–45.	4/2019	603-617
51	Ứng dụng mô hình diễn toán SWAT/NAM/MIKE xây dựng bộ thông số thủy văn và thủy lực phục vụ cho tính toán dòng chảy - trường hợp sông Vệ, Quảng Ngãi,	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 702, no. 6, pp. 1–12.	2019	618-632
52	Mô phỏng lan truyền nhiệt bằng mô hình toán ba chiều – trường hợp nhà máy nhiệt điện	4	X	Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Kỹ thuật và Công nghệ,			Vol. 2, No. 2, pp.122-129	2019	633-642

	tại vùng biển Đề - Gi, Bình Định								
53	Tiềm năng giảm thiểu phát thải khí methane và thu hồi năng lượng từ bãi chôn lấp chất thải rắn đô thị - một trường hợp nghiên cứu tại tỉnh Bình Dương, Việt Nam	3	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2020 ISBN: 978-604-60-3259-5.			Pp. 381–391	2020	643 – 658
54	Ứng dụng WRF/CMAQ mô phỏng ô nhiễm PM ₁₀ từ hoạt động giao thông-Trường hợp Tp. Hồ Chí Minh	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 724, No. 4, pp. 30–45.	4/2021	659-678
55	Prediction of potential for greenhouse gas mitigation and power recovery from a municipal solid waste landfill case in Tien Giang province, Vietnam.	2	X	Vietnam J. Hydrometeorol.			Vol. 7, No. 1, pp. 32–52.	2021	679-702
56	Linking hydrological, hydrodynamic models for saline intrusion assessment – applying for Ve river estuary as a case study.	2	x	Vietnam J. Hydrometeorology.			Vol. 9, 2021, pp. 87 – 101.	2021	703-720
57	Mô phỏng sự phụ thuộc xâm nhập mặn và các yếu tố thủy văn bằng MIKE 3 - Trường hợp cửa sông Vệ, Quảng Ngãi	2	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 725, No. 5, pp. 1–16.	2021	721 - 739

58	Effectiveness of scenario for CH ₄ emission reduction oriented to 2030 from Kien Tuong LandFill site, Long An province.	4	X	Khoa học đất ISSN: 2525-2216			vol. 69, pp. 39–43, 2022.	2022	740 - 752
59	Nghiên cứu phát triển mô hình/phần mềm tính toán phát thải khí CH ₄ từ bãi chôn lấp dựa trên nền tảng WebGIS.	3	X	Kỷ yếu hội nghị khoa học toàn quốc trái đất, mỏ, môi trường bền vững lần thứ v; ISBN: 978-604-357-121-9			Pp436 - 447	2022	753 - 770
60	Đánh giá rủi ro nhập viện điều trị các bệnh đường hô hấp và bệnh tim mạch do phơi nhiễm ngắn hạn O ₃ mặt đất tại tỉnh Đồng Nai.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			vol. 742, no. 10, Pp. 1–18.	2022	771 - 791
61	Assessment of water environmental carrying capacity of Thuy Trieu lagoon, Cam Ranh, Khanh Hoa	3	X	Vietnam J. Hydrometeorology.			vol. 13, no. 12, pp. 37–53.	2022	792 - 811
62	Đánh giá diễn biến đường bờ và xu thế bồi – xói khu vực bờ biển Cửa Đại – Hội An, tỉnh Quảng Nam.	3	x	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 736 (1), 41-53.	2022	812- 827
63	Đánh giá hiện trạng phân bố và sự biến động theo mùa mức độ ô nhiễm PM _{2.5} tại vùng Tứ Giác Long Xuyên, Việt Nam	4	x	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 736 (1), 54-74.	2022	828 - 851
64	Đánh giá các tác động sức khỏe cộng đồng do phơi nhiễm	4	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn,			vol. 746, no. 2, pp. 70–86.	2023	852- 871

	ngắn hạn ô nhiễm PM _{2.5} : Nghiên cứu điển hình tại tỉnh Bình Dương			ISSN: 0866 – 8744					
65	Ecological risk assessment attributed to rice and maize yield reduction due to long-term ground-level O ₃ impacts: A case study in Tay Ninh, Vietnam	3	X	Vietnam J. Hydrometeorology.			vol. 14, no. 3, pp. 80–95.	2023	872-890
66	Ứng dụng viễn thám, GIS đánh giá phạm vi và mức độ xói lở bờ biển Đồng bằng sông Cửu Long, đoạn từ Tiền Giang đến Sóc Trăng.	3	x	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 754, No. 10, pp. 9–25.	2023	891-910
67	Mô phỏng ô nhiễm bụi PM _{2.5} và phân tích các yếu tố liên quan – Trường hợp tỉnh Cà Mau, Việt Nam.	3	X	Tạp chí Khí tượng Thủy văn, ISSN: 0866 – 8744			Vol. 756, No. 12, pp. 42–58.	2023	911-930
68	Application of EnHEBIS tool to assess economic impact due to health effects from PM _{2.5} pollution – A case study at Long An province, Vietnam	3	X	Vietnam J. Hydrometeorology. ISSN: 2525-2208			vol. 17, no. 12, pp. 85–99.	2023	931-948
69	The trend of erosion and accretion of the western coast of the Mekong Delta, the section from Ca Mau Cape to Kien Giang.	3	X	Vietnam J. Hydrometeorology. ISSN: 2525-2208			vol. 18, no. 3, pp. 66–78.	2024	949 - 964

70	Exploiting the results of running the GEOS-CF model to evaluate PM _{2.5} concentration in near real-time in Vietnam	3	X	Vietnam J. Hydrometeorology. ISSN: 2525-2208			vol. 19, no. 6, pp. 78–89.	2024	965 - 979
<i>Tạp chí và hội nghị ngoài nước</i>									
71	Building integrated assessment tool for damage caused by oil spill on Vietnam's coast	2	X	Proceedings of 30th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61839-497-2			Pp. 175 - 180	2011	980 - 990
72	Pollution evaluation in treams using water quality indices - A case study from Sai gon basin	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2012).			pp. 387–390	2012	991 - 998
73	Assessment the impacts of land use and climate change on water discharge of Srepok river watershed, Vietnam	3	X	Proceedings of 34th Asian Conference on Remote Sensing ISBN:978-1-62993-910-0			Vol. 4/5, pp. 3091–3098.	2013	999 - 1010
74	Application of GIS and modeling to assess the impact of environmental pollution due to dust in the quarrying area	4	X	Proceedings of 34th Asian Conference on Remote Sensing ISBN:978-1-62993-910-0			Vol. 5/5, pp.4144 - 4151	2013	1011 – 1022
75	Impact of Climate Changes on the Livelihood Security of Minority Groups in Daklak province	2	X	Southeast Asian Journal of Science and Technology ISSN 2672-2992			vol. 3, no. 2, pp. 105–119	2014	1023 - 1038
76	Analytical scheme to analytically solve atmospheric advection-diffusion	2	X	Southeast Asian Journal of			vol. 3, no. 2, pp. 120–131	2014	1039 - 1051

	equation with mixed boundary condition			Science and Technology ISSN 2672-2992					
77	Applying Recurrent Fuzzy Neural Network to Predict the Runoff of Srepok River	4		Proceedings of Computer Information Systems and Industrial Management 13th IFIP TC8 International Conference, CISIM 2014. ISSN: 0302-9743	Scopus, Q3, H-Index: 400.	10	No. i, pp. 55–66	2014	1065 - 1079
78	Building the information system for evaluating, adapting, and minimizing the impact of climate change to Phu Yen province, Vietnam	3	X	Proceedings of 38th Asian Conference on Remote Sensing - Space Applications: Touching Human Lives, ACRS 2017, ISBN: 978-1-5108-5684-4			Vol. 3/4, pp. 2071–2077.	2017	1080 - 1090
79	Assessment of climate change trends at Long Xuyen quadrangle using remote sensing image	3	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2014)			pp. 344–348.	2014	1091 - 1100
80	Changes in water quality at bung river basin, Quang Nam after the dam construction	2	X	Proceedings of 36th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-5108-1721-0			Vol. 2/2, pp. 789–795.	2015	1101- 1111
81	Building information system serving adaptation, mitigation and impact assessment	4	X	Proceedings of GeoInformatics for Spatial - Infrastructure Development in			Pp. 337–342	2014	1112 - 1121

	the climate change for national level			Earth and Allied Sciences (GIS - IDEAS 2014)					
82	Calculating green house gas emissions (CH ₄ , N ₂ O, CO ₂) released from agriculture - a case study in Dong Thap province	4	X	Proceedings of 39th Asian Conference on Remote Sensing: Remote Sensing Enabling Prosperity, ACRS 2018 ISBN: 978-1-5108-7966-9			Vol. 2/5, pp. 645–657.	2018	1122 - 1139
83	Application of remote sensing to assess changes in shoreline and level of riverbed under the pressure of sand mining activities	4	X	Proceedings of 40th Asian Conference on Remote Sensing. ISBN: 978-1-7138-0326-3			Vol. 2/4, pp. 1000–1010.	2019	1140 - 1154
84	Spatial Mapping Of Agricultural Green House Gas Emission For Implementing Paris Agreement On Climate Change In Vietnam	5	X	Proceedings of 40th Asian Conference on Remote Sensing. ISBN: 978-1-7138-0326-3			Vol. 4/4 Pp. 2602 - 2611	2019	1155 - 1168
85	Inverse algorithm for Streeter–Phelps equation in water pollution control problem	1	X	Mathematics and Computers in Simulation ISSN: 0378-4754	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.6, H-Index: 90, CiteScore: 9.5 Doi: 10.1016/j.matcom.2019.12.005	35	Vol. 171, Pp. 119-126	2020	1169-1176
86	Linking air quality, health, and economic effect models for use in air pollution epidemiology	3	X	Atmospheric pollution research ISSN: 1309 - 1042	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.5 CiteScore: 5.8 H-Index: 71	20	vol. 12, no. 7, p. 101118	2021	1191 - 1206

	studies with uncertain factors				Doi: https://doi.org/10.1016/j.apr.2021.101118				
87	Reaeration and dispersion coefficients prediction for a river flow by implementing machine learning algorithm on MIKE dataset	2	x	Proceedings of The 13th International Conference on Computer Modeling and Simulation (ICCMS - 2021). Pages 17–22, June 2021.	Ei Compendex Scopus ISBN: 978-1-4503-8979-2 DOI:10.1145/3474963.3474966			2021	1207-1216
88	Application of landsat imagery for the interpretation of surface water quality – a case study of De vong – Co Co river, Quang Nam	3	X	Proceedings of 42th Asian Conference on Remote Sensing ISBN: 978-1-61839-497-2			20 pp	2021	1217-1226
89	Energy recovery from municipal solid waste landfill for a sustainable circular economy in Danang City, Vietnam	3		IOP Conf. Ser. Earth Environ. Sci. (EES) ISSN: 1755 – 1307; E- ISSN: 1755 - 1315	Scopus, CiteScore 2022:0.5; SJR:0.179; SNIP 2021 Doi:10.1088/1755-1315/964/1/012015	3	Vol. 964, No. 1, pp.	2022	1227 - 1246
90	Assessing marine environmental carrying capacity in semi-enclosed coastal areas — Models and related databases	2	x	Science of the Total Environment ISSN:0048 - 9697	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 9.8 CiteScore: 16.8 H-Index: 353 Doi: 10.1016/j.scitotenv.2022.156043	21	838 (2022) 156043	2022	1247 - 1263

91	Spatio-temporal modelling and related factors analysis of PM _{2.5} pollution: A case study of Ho Chi Minh city, Vietnam	3	X	Physics and Chemistry of the Earth. Physics and Chemistry of the Earth, ISSN: 1474-7065	ISI/Scopus, SCIE, Q2, IF: 3.7, H-index: 110, CiteScore: 5.1 Doi: 10.1016/j.pce.2023.103417	9	Vol. 5, p 103417	2023	1264-1280
92	Linking hydrological, hydraulic and water quality models for river water environmental capacity assessment	2	X	Science of the Total Environment ISSN:0048 - 9697	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 10.754 CiteScore: 14.1 H-Index: 317 Doi: 10.1016/j.scitotenv.2022.159490	27	vol. 857, no. September 2022, p. 159490, 2023.	2023	1281 - 1293
93	Evaluation of the annual economic costs associated with PM _{2.5} -based health damage—a case study in Ho Chi Minh City, Vietnam			Air Quality, Atmosphere & Health, ISSN: 1873-9318	ISI/Scopus, SCIE, Q2, IF: 5.804 CiteScore: 5.2 H-Index: 67 Doi: 10.1007/s11869-022-01282-0	14	Pp. 16:415–435	2023	1294 - 1314
94	Ground-level ozone in the Mekong Delta region: precursors, meteorological factors, and regional transport	2	X	Environmental Science and Pollution Research ISSN: 1614-7499	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.223, CiteScore: 5.80 H-Index: 179 Doi: 10.1007/s11356-022-23819-7	8	Vol. 30:23691–23713	2023	1315 - 1337
95	Assessment of the benefits from	2	X	IOP Conf. Series: Earth and	Scopus, CiteScore	2	15 pp	2023	1338 - 1356

	energy recovery based on the greenhouse gas emission reduction scenario in urban landfills – A case study in Bac Lieu Province, Vietnam			Environmental Science 1170 (2023) 011002	2022:0.5; SJR:0.179; SNIP 2023 Doi:10.1088/1755-1315/1170/1/012010				
96	Building and optimising an automatic monitoring system network for outdoor - PM 2.5 : a case study of Ho Chi Minh City	3	X	Environmental Monitoring and Assessment, ISSN: 0167-6369	ISI/Scopus, SCIE, Q2 H-index: 142 IF: 3.420 SJR:063 Doi: 10.1007/s10661-023-11319-1	1	17 pp	2023	1357 - 1372
97	Forward problem for pollution control based on Streeter-Phelps	3	X	Math. East-West Journal of Mathematics ISSN:1513-489X	IF = 0.387 Doi: 10.36853/ewjm0391		Vol. 23, no. 2, pp. 138–154	2022	1373 - 1389
98	Evaluation of the Role of Self-cleaning Capacity on Marine Environmental Carrying Capacity: A Case of Ganh Rai Bay, Vietnam	2	X	Archives of Environmental Contamination and Toxicology, ISSN: 0090 - 4341	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 3.692 CiteScore: 5.1 H-Index: 120 Doi: 10.1007/s00244-023-00989-0		17 pp	2023	1390 - 1406
99	Mechanism of erosion zone formation based on hydrodynamic factor analysis in the Mekong Delta coast, Vietnam.	2	X	Environmental Technology & Innovation ISSN:2352 - 1864	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 7.758 CiteScore: 4.5 H-Index:55 SJR:1.16	10	vol. 30, p. 103094,	2023	1407 - 1420

					Doi: 10.1016/j.eti. 2023.103094				
100	Chronic and acute health effects of PM _{2.5} exposure and the basis of pollution control targets.	3	X	Environmental Science and Pollution Research ISSN: 1614-7499	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.223 CiteScore: 5.50 H-Index: 113 Doi: 10.1007/s11356-022-23819-7	2	23 pp	2023	1421 - 1443
101	Application of SWAT/MIKE tools for assessment of river water environmental capacity – Ben Tuong – Suoi Tre watershed, Binh Duong	2	X	7th International Conference on Environment 2021 (ICENV2021) ISBN: 978-0-7354-4573-4	Scopus https://doi.org/10.1063/5.0148062		13 pp	2023	1444 - 1457
102	Assessment of rice yield and economic losses caused by ground-level O ₃ exposure in the Mekong delta region, Vietnam	2	X	Heliyon ISSN: 2405 - 8440	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF:4.0 CiteScore:5.6 H-index = 88 https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e17883	7	17pp	2023	1458 - 1474
103	Benefits of Short-term Premature Mortality Reduction Attributed to PM _{2.5} Pollution: A Case Study in Long an Province, Vietnam.	3	X	Archives of Environmental Contamination and Toxicology, ISSN: 0090 - 4341	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 4.0 CiteScore: 5.1 H-Index: 124 Doi: 10.1007/s002	5	18 pp	2023	1475 - 1492

					44-023-01012-2				
104	Optimization of a PM _{2.5} automatic monitoring network based on the modeling approach – a case study in Long An province, Vietnam	2	X	IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science 1383 (2024) 012023	Scopus, CiteScore 2022:0.5; SJR:0.179; SNIP 2023 doi:10.1088/1755-1315/1383/1/012023		12pp	2024	1493 - 1504
105	Assessing impacts on rice production and quantifying economic cost losses with PM _{2.5} –based damage – A case of the Long Xuyen Quadrangle, Vietnam Mekong Delta	2	X	Computers and Electronics in Agriculture. ISSN: 0168 - 1699	ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 8.3 CiteScore: 13.6 H-Index: 168 Doi: https://doi.org/10.1016/j.compag.2023.108570	1	Volume 217, February 2024, 108570	2024	1505 - 1519
106	Developing a practical tool to evaluate the cost and benefit of PM _{2.5} pollution control measures on air quality improvement in Ho Chi Minh City, Vietnam	3	X	Case Studies in Chemical and Environmental Engineering, ISSN: 2666 – 0164	Scopus, Q1, IF: 7.93 CiteScore: 8.2 H-Index: 35 Doi: https://doi.org/10.1016/j.compag.2023.108570	1	Volume 9, June 2024, 100729	2024	1520 - 1525
107	Role of self-cleaning factors in river water environmental capacity assessment: A case of Sai Gon basin, Vietnam	3	X	Case Studies in Chemical and Environmental Engineering, ISSN: 2666 – 0164	Scopus, Q1, IF: 7.93 CiteScore: 8.2 H-Index: 35 Doi: https://doi.org/10.1016/j.compag.2023.108570		Volume 9, June 100689	2024	1526 - 1530

108	Prediction of the river water environment carrying capacity using LSTM networks	3	X	Water Supply ISSN:16053974, 16069935	ISI/Scopus, SCIE, Q2, IF: 1.7, CiteScore: 2.6, Doi: https://10.2166/ws.2024.138	1	June 8, 2024.	2024	1531 - 1546
109	Assessment of the status of PM _{2.5} and ground-level O ₃ pollution variations and meteorological factor effects: a case study in Long An Province, Vietnam.	3	X	IOP Conf. Series: Earth and Environmental Science 1391 (2024) 012017	Scopus, CiteScore 2022:0.5; SJR:0.179; SNIP 2023 Doi:10.1088/1755-1315/1391/1/012017			2024	1547 – 1561
110	Remote Sensing and GIS Analysis Approach for Erosion in the Mekong Delta: Case Studies from Bac Lieu to Ca Mau Cape.	3	X	Geoinformatics for Spatial-Infrastructure Development in Earth and Allied Sciences. Springer Nature Switzerland AG 202	Scopus, Doi: https://doi.org/10.1007/978-3-031-71000-1_9		pp. 1–12	2024	1562 - 1585
111	PM _{2.5} Pollution Assessment and Quantification of Short-Term Exposure Impacts on Public Health Using a Modeling Approach: A Case Study of Ca Mau Province, Vietnam.			Applied Geography and Geoinformatics for Sustainable Development Proceedings of ICGGS 2023, Springer Nature	Scopus, Doi: https://doi.org/10.1007/978-3-031-84308-2_17		pp. 265 – 287	2025	1586 - 1616
112	Assessing the water quality and environmental carrying capacity in watersheds based on wastewater treatment	2	X	International Journal of Energy and Water Resources	Scopus, Springer Doi: https://doi.org/10.1007/s42108-025-00377-5			2025	1617 – 1633
113	Developing PM _{2.5} mitigation solutions	3	X		SCIE/Scopus,			2025	1634 - 1649

based on the analysis of the relationships between PM _{2.5} concentrations and precursor factors: a case study of Hanoi, Vietnam			Asian Journal of Atmospheric Environment	Q2, H-Index = 24				
---	--	--	--	------------------	--	--	--	--

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (ISI/SCIE) mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 15 bài [85] – [86], [90] – [94], [96], [98] – [100], [103], [105], [108], [112], [113]. Scopus: 10 bài [77], [87], [89], [95], [101], [104], [106], [107], [111], [112].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tháng, năm công bố	Tập, số, trang
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Toán ứng dụng	Tham gia	3511/QĐ-ĐHBK ngày 16/12/2020	Đại học Quốc gia Tp. HCM Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Tp. HCM	1575/QĐ – ĐHBK ngày 29/6/2021	
2	Chương trình đào tạo thạc sĩ và kỹ sư ngành kỹ thuật và quản lý tài nguyên môi trường	Tham gia hội đồng ngành	Quyết định 691/QĐ – ĐHBK – SDH ngày 22/4/2020	Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Tp. HCM	Quyết định 1970/QĐ – ĐHBK ngày 14/9/2021 ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ	
3	Chương trình thẩm định giáo trình	Chủ tịch	Quyết định 1690/QĐ – ĐHBK- BGT ngày 29/6/2015	Đại học Bách Khoa, Đại học Quốc gia Tp. HCM	Sách đã đưa vào giảng dạy	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☒

Đề xuất 3 CTKH chất lượng cao để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn chính 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

1. [98] **Bui Ta Long**, Tran Luong Thi Hong Diem. Evaluation of the Role of Self-Cleaning Capacity on Marine Environmental Carrying Capacity: A Case of Ganh Rai Bay, Vietnam. *Archives of Environmental Contamination and Toxicology*. ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 3.692, CiteScore: 5.1, H-Index: 120. DOI: <https://doi.org/10.1007/s00244-023-00989-0>, 17 pp.

2. [105] **Bui Ta Long**, Nguyen Hoang Phong. Assessing impacts on rice production and quantifying economic cost losses with PM_{2.5}-based damage – A case of the Long Xuyen Quadrangle, Vietnam Mekong Delta. *Computers and Electronics in Agriculture*. Volume 217, February 2024, 108570, ISSN: 0168 -1699, ISI/Scopus, SCIE, Q1, IF: 8.3, CiteScore: 13.6, H-Index: 168, Doi: <https://doi.org/10.1016/j.compag.2023.108570>

3. [106] **Bui Ta Long**, Nguyen Hoang Phong, Nguyen Chau My Duyen. Developing a practical tool to evaluate the cost and benefit of PM_{2.5} pollution control measures on air quality improvement in Ho Chi Minh City, Vietnam. *Case Studies in Chemical and Environmental Engineering*, ISSN: 2666 - 0164 Scopus, Q1, IF: 7.93, CiteScore: 8.2. H-Index: 35, Doi: <https://doi.org/10.1016/j.compag.2023.108570>. Volume 9, June 2024, 100729, 2024.

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: ...

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ...

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, cursive letters, positioned above a long, straight horizontal line that extends across the width of the signature.

BÙI TÁ LONG